

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Viết Hải;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thái Sơn;
Bà Lê Hoài Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Long - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2026, tại điểm cầu trung tâm Hội trường xét xử hình sự Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị và điểm cầu thành phần Trại tạm giam số 2 - Công an tỉnh Q. Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị mở phiên tòa xét xử trực tuyến công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 28/2026/TLPT-HS ngày 06/3/2026, đối với các bị cáo Võ Viết Thành Đ, Đặng Ngọc T và Đinh Thị T1. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 04/2026/HS-ST ngày 28/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Quảng Trị, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2026/QĐXX-PT ngày 07/4/2026, đối với các bị cáo:

1. **Võ Viết Thành Đ**, sinh ngày 16/3/1992, tại: tỉnh Quảng Trị; số thẻ CCCD 044092017508, cấp ngày 10/01/2025; nơi cư trú: thôn G, xã T, tỉnh Quảng Trị; giới tính: Nam; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Hà Q (đã chết) và bà Đỗ Thị L; có vợ: Trần Thị T2 (đã ly hôn) và 01 con, sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/8/2025 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2, Công an tỉnh Q, có mặt tại phiên tòa.

2. **Đặng Ngọc T**, sinh ngày 24/6/2000, tại: tỉnh Quảng Trị; số thẻ CCCD 044200002690, cấp ngày 31/3/2025; nơi cư trú: thôn Đ, xã L, tỉnh Quảng Trị; giới tính: Nam; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Ngọc T3 và bà Nguyễn Thị H; có vợ: Đỗ Thị Kim T4 (đã ly hôn) và 01 con, sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/8/2025 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2, Công an tỉnh Q, có mặt tại phiên tòa.

3. **Đinh Thị T1**, sinh ngày 12/12/2002, tại: tỉnh Quảng Ngãi; số thẻ CCCD 051302003342, cấp ngày 10/8/2021; nơi cư trú: thôn Đ, xã S, tỉnh Quảng Ngãi; nơi

ở hiện tại: **thôn T, xã L, tỉnh Quảng Trị**; giới tính: Nữ; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Ca Dong; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Đinh Văn B** và bà **Đinh Thị X**; chồng: không xác định và có 01 con: **Đinh Trọng N**, sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/8/2025 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 **Công an tỉnh Q**, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ ngày 04 tháng 8 năm 2025, **Võ Viết Thành Đ** liên lạc với **Đặng Ngọc T** thông qua ứng dụng Zalo gọi điện rủ **T** sử dụng trái phép chất ma túy. **Đ** nói **T** tìm phòng để sử dụng ma túy, còn **Đ** sẽ đưa ma túy đến để cùng nhau sử dụng, **T** đồng ý. **T** liên lạc với **Đinh Thị T1** qua ứng dụng Zalo hỏi **T1** quán **K** còn phòng để “bay” không? Sau đó, **T1** nhắn tin cho chủ quán là **Lê Thị N1** để lấy phòng hát. Sau khi lấy phòng, **T1** nhắn tin cho **T** lên phòng 203 quán **K**. Đến khoảng 0 giờ 30 phút cùng ngày, **T** lên phòng 203 **Karaoke P**, sau đó **T1** lên, tầm 10 phút sau **Đ** cũng có mặt tại phòng 203. Khi vào phòng, **Đ** lấy từ trong ba lô các dụng cụ để sử dụng ma túy, gồm: 02 đèn chiếu; 01 đĩa sứ màu trắng; 01 thẻ nhựa màu đen; 01 bật lửa màu đỏ; 01 ống hút nhựa và đặt ở trên bàn, đồng thời **Đ** cắm điện bật 02 đèn chiếu, còn **T** bật nhạc. Tiếp đó, **Đ** lấy từ trong túi quần 01 túi nilon chứa ma túy loại kẹo và sử dụng 01 viên; 03 viên còn lại thì để ra giữa bàn với mục đích cho **T** và **T1** cùng sử dụng. **T** lấy 01 viên ma túy do **Đ** để ra giữa bàn và bẻ đôi đưa cho **T1** sử dụng một nửa viên, một nửa viên còn lại **T** sử dụng. Sau đó, **Đ** tiếp tục lấy 01 gói ma túy loại Ketamine đổ một ít lên đĩa sứ, số còn lại **Đ** để giữa bàn, **Đ** dùng bật lửa để hơi nóng mặt dưới của đĩa sứ rồi dùng thẻ nhựa nghiền ma túy và chia thành 06 đường nhỏ và dùng ống nhựa đã chuẩn bị từ trước để hít 04 đường ma túy thông qua đường mũi vào cơ thể, còn để lại 02 đường. Sau khi sử dụng xong, **Đ** để đĩa sứ ra giữa bàn, **T** lấy đĩa sứ hít 01 đường ma túy loại Ketamine, sau đó đưa cho **T1** hít 01 đường ma túy Ketamine còn lại. Sau khi sử dụng, **T1** đặt lại đĩa sứ trên bàn và trên đĩa sứ vẫn còn một ít ma túy Ketamine đã “xào” nhưng chưa “kê”. Đến khoảng 02 giờ 40 phút ngày 04/8/2025, khi lực lượng chức năng tiến hành kiểm tra hành chính tại phòng 203, quán **K** đã phát hiện, bắt quả tang **Đ, T, T1** đang có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và thu giữ toàn bộ tang vật. Ngoài ra sau khi kiểm tra các đối tượng còn phát hiện bên trong túi quần bên phải của **Võ Viết Thành Đ** còn cất giấu 01 túi nilon trong suốt bên trong chứa 23 viên nén hình dạng giống thuốc tân dược hình tròn màu hồng, trên một mặt của mỗi viên nén đều có dòng chữ “WY”; 01 túi nilon trong suốt bên trong chứa các chất tinh thể màu trắng; 01 túi nilon trong suốt bên trong chứa 02 viên nén không rõ hình dạng, màu xám. Quá trình điều tra **Đ** thừa nhận tất cả các chất ma túy trên đều do **Đ** mua của một đối tượng không quen biết nhằm mục đích tàng trữ để sử dụng.

Kết quả xét nghiệm nhanh chất ma túy trong nước tiểu đối với các đối tượng **Võ Viết Thành Đ**, **Đặng Ngọc T** và **Đinh Thị T1** đều cho kết quả dương tính với các chất ma túy loại Ketamine, MDMA và Methamphetamine.

Tại Kết luận giám định số: 932/KL-KTHS, ngày 11/8/2025, **Phòng K1 Công an tỉnh Q** xác định: Chất bột màu trắng (Mẫu ký hiệu A1) là chất ma túy loại Ketamine khối lượng 0,801g; 23 viên nén hình tròn màu hồng, trên một mặt mỗi viên có in chữ “WY” (Mẫu ký hiệu A2) là chất ma túy loại Methamphetamine khối lượng 2,216g; Chất tinh thể màu trắng (Mẫu ký hiệu A3) là chất ma túy loại Ketamine khối lượng 2,782g; 02 viên nén không rõ hình dạng, màu xám (Mẫu ký hiệu A4) khối lượng 0,753g là chất ma túy loại MDMA. Methamphetamine nằm trong danh mục các chất ma túy, số thứ tự: 247, danh mục IIC; Ketamine nằm trong danh mục các chất ma túy, số thứ tự: 40, danh mục III; MDMA nằm trong danh mục các chất ma túy, số thứ tự: 11, danh mục IB theo Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 04/2026/HS-ST ngày 28 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Quảng Trị, đã quyết định:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo **Võ Viết Thành Đ**, **Đặng Ngọc T**, **Đinh Thị T1** phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; bị cáo **Võ Viết Thành Đ** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm n khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 56 Bộ Luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025. Xử phạt bị cáo **Võ Viết Thành Đ** 07 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và 05 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt chung cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành là 13 năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 04/8/2025.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ Luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025. Xử phạt bị cáo **Đặng Ngọc T** 07 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 04/8/2025.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ Luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025. Xử phạt bị cáo **Đinh Thị T1** 07 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 04/8/2025.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, xử lý vật chứng và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 02/02/2026, bị cáo **Đinh Thị T1** có đơn kháng cáo, với lý do sau: gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bản thân là mẹ đơn thân và lao động chính trong gia đình; bị cáo còn là người dân tộc thiểu số nhận thức pháp luật còn hạn chế. Vì vậy, đề nghị HĐXX phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ngày 05/02/2026, bị cáo **Võ Viết Thành Đ** có đơn kháng cáo, với lý do sau:

Bị cáo là lao động chính trong gia đình, đang nuôi con nhỏ và mẹ già yếu; bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Vì vậy, đề nghị HĐXX phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ngày 06/02/2026, bị cáo **Đặng Ngọc T** có đơn kháng cáo, với lý do sau: gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính trong gia đình; bị cáo đã ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, ông bà bị cáo là người có công cách mạng. Vì vậy, đề nghị HĐXX phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo **Đặng Ngọc T** có ý kiến xin rút toàn bộ kháng cáo. Còn các bị cáo **Võ Viết Thành Đ** và **Đinh Thị T1** khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát và Bản án sơ thẩm đã xét xử và giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị phát biểu quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo **Võ Viết Thành Đ**, **Đinh Thị T1**. Giữ nguyên mức hình phạt 07 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự và 05 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm n khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt chung cả hai tội buộc bị cáo **Võ Viết Thành Đ** phải chấp hành là 13 năm tù; 07 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự đối với bị cáo **Đinh Thị T1**. Áp dụng Điều 342, Điều 348 BLTTHS Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo **Đặng Ngọc T**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các ngày 02, 05 và 06/02/2026 các bị cáo **Đinh Thị T1**, **Võ Viết Thành Đ** và **Đặng Ngọc T** làm đơn kháng cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2026/HS-ST ngày 28 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Quảng Trị. Đơn kháng cáo của các bị cáo đảm bảo về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức và nội dung kháng cáo theo quy định tại các Điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét nội dung kháng cáo của các bị cáo theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét ý kiến đề nghị rút toàn bộ nội dung kháng cáo của bị cáo **Đặng Ngọc T**, Hội đồng xét xử thấy: Việc rút kháng cáo của bị cáo tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Căn cứ khoản 1 Điều 342; khoản 1 Điều 348 và điểm d khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo **Đặng Ngọc T**.

[3] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, các bị cáo **Võ Viết Thành Đ** và **Đinh Thị T1** khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị cáo **T**, người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết quả giám định, xét nghiệm chất ma túy và các tang vật được thu giữ cũng như các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập tại hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở kết luận: Ngày 04/8/2025, bị cáo **Đ** đã chuẩn bị ma túy, dụng cụ và tiền thuê địa điểm nên đã điện thoại rủ **T** tìm địa điểm để sử dụng ma túy, **T** đồng ý nên điện thoại liên lạc với **T1**, nói **T1** tìm địa điểm và **T1** đã thuê phòng 203 **quán K** để cùng nhau sử dụng ma túy. Trong lúc các bị cáo **T**, **Đ** và **T1** đang sử dụng ma túy thì bị lực lượng chức năng phát hiện, bắt quả tang, qua xét nghiệm nước tiểu các bị cáo đều dương tính với các chất ma túy loại Ketamine, MDMA và Methamphetamine. Ngoài ra, còn thu giữ trong túi quần của **Đ** khối lượng 6,552gam ma túy, bao gồm 3,583 gam ma túy loại Ketamine; 2,216 gam ma túy loại Methamphetamine và 0,753gam ma túy loại MDMA. Vì vậy, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tuyên bố các bị cáo **Võ Viết Thành Đ** và **Đinh Thị T1** phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo **Võ Viết Thành Đ** phạm thêm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm n khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của các bị cáo **Võ Viết Thành Đ** và **Đinh Thị T1**, Hội đồng xét xử thấy:

Quá trình xét xử sơ thẩm, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã xem xét đánh giá tính chất, mức độ, vai trò của từng bị cáo khi thực hành vi phạm tội; các bị cáo không có tình tiết tăng nặng; quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, nhân thân tốt. Tuy nhiên, các bị cáo đều phạm tội rất nghiêm trọng. Bị cáo **Đ** trong một thời gian đã phạm hai tội, là người khởi xướng, chuẩn bị các chất ma túy, dụng cụ và chi trả tiền thuê địa điểm. Còn bị cáo **T1** là người hưởng ứng tích cực tìm thuê địa điểm để sử dụng ma túy. Vì vậy, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo. Riêng bị cáo **Đ** áp dụng thêm điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo **Đ** 07 năm 06 tháng tù, về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và 05 năm 06 tháng tù, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo **Đ** phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 13 năm tù. Xử phạt các bị cáo **T1** 07 năm tù, về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” là có căn cứ, phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ vai trò của các bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đặc điểm nhân thân của từng bị cáo. Trong quá trình xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa các bị cáo không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới; bị cáo **T5** cho rằng là dân tộc thiểu số nhận thức pháp luật hạn để xin giảm nhẹ một phần hình phạt, tuy nhiên bị cáo lại có trình độ học

vấn 9/12 đủ để nhận thức về hành vi vi phạm pháp luật của bị cáo nên không có căn cứ xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo **Võ Viết Thành Đ**, **Đinh Thị T1** và giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2026/HS-ST ngày 28 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Quảng Trị.

[5] Về án phí: Kháng cáo của các bị cáo **Võ Viết Thành Đ** và **Đinh Thị T1** không được cấp phúc thẩm chấp nhận, nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo **Đặng Ngọc T** rút kháng cáo nên không chịu án phí.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 342, khoản 1 Điều 348, điểm đ khoản 1 Điều 355 của Bộ luật tố tụng hình sự đối với bị cáo **Đặng Ngọc T**;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356, Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo **Võ Viết Thành Đ** và **Đinh Thị T1** (căn cứ thêm điểm n khoản 2 Điều 249 và Điều 55 Bộ luật hình sự đối với bị cáo **Võ Viết Thành Đ**); điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo **Đặng Ngọc T**. Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2026/HS-ST ngày 28 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Quảng Trị có hiệu lực pháp luật đối với bị cáo **Đặng Ngọc T**.

2. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo **Võ Viết Thành Đ**, **Đinh Thị T1** và giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2026/HS-ST ngày 28 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Quảng Trị.

Xử phạt bị cáo **Võ Viết Thành Đ** 07 (Bảy) năm 06 (S) tháng tù, về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và 05 (Năm) năm 06 (S) tháng tù, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt chung cả hai tội buộc bị cáo **Võ Viết Thành Đ** phải chấp hành là 13 (Mười ba) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 04/8/2025.

Xử phạt bị cáo **Đinh Thị T1** 07 (Bảy) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 04/8/2025.

Tiếp tục tạm giam các bị cáo **Võ Viết Thành Đ**, **Đặng Ngọc T** và **Đinh Thị T1** với thời hạn 45 ngày, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm theo Quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử để đảm bảo thi hành án.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo **Đặng Ngọc T** không phải chịu án phí. Các bị cáo **Võ Viết Thành Đ** và **Đinh Thị T1** mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí để nộp ngân sách nhà nước.

4. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND T.Quảng Trị;
- VKSND khu vực 4;
- TAND khu vực 4;
- Bị cáo;
- Trại tạm giam số 2;
- Phòng THADS khu vực 4;
- Phòng KTNV; Tổ HCTP;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Viết Hải